

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày: 30/5/2023

“V/v: Tranh chấp phát sinh từ Hợp
đồng sử dụng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Kinh

- Bà Đào Phương Mai

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư
ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 30/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 110/2023/TLST-DS ngày 16/12/2022, về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST-DS ngày 13/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐST-DS ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (viết tắt là A)***

Trụ sở chính: Số 442 N, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *Người
đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Phát - Tổng Giám đốc*

*Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thảo - Giám đốc Phòng Xử lý
nợ.*

(Theo Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 của người đại diện theo pháp luật).

Bà Thảo ủy quyền tham gia tố tụng cho: ***Bà Lưu Ngọc Bích*** - Nhân viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1263/UQ-CNTL.23 ngày 17/4/2023).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, số 10 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Bà Bích có mặt)

**** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm V***, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số 58 ngõ 183 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và các Bản tự khai, Đơn trình bày tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) - bà Lưu Ngọc Bích trình bày:**

Ngày 17/03/2020 bà Nguyễn Thị Cẩm V có ký với Ngân hàng TMCP A (A) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 153.770.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V không thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 18.7 Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 20/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo khoản 10.1 Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

- Lãi suất trong hạn $2,25\%/tháng \times 12 tháng = 27\%/năm$.

- Lãi suất quá hạn $= 2,25\%/tháng \times 150\% = 3,375\%/tháng \times 12 tháng = 40,5\%/năm$.

- Lãi suất quá hạn (150% lãi suất trong hạn) được tính trên số tiền nợ gốc 153.770.000 đồng là 40,5%/năm, cụ thể như sau:

Số tiền nợ lãi quá hạn $= \text{nợ gốc} \times (\text{lãi suất trong hạn} \times 150\%) \times \text{số ngày} / 365 \text{ ngày}$. Số ngày lãi quá hạn: ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/11/2020 đến ngày 13/4/2023 = 874 ngày (có bản tính lãi nộp kèm theo).

Số tiền nợ lãi quá hạn là: $153.770.000 \text{ đồng} \times 40,5\% \times 874 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 149.123.194 \text{ đồng}$.

Tính đến ngày 13/4/2023 chị Nguyễn Thị Cẩm V còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Tiền gốc 181.652.991 đồng; lãi quá hạn 149.123.194 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 330.776.222 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu chị V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên chị V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa án giải quyết:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/4/2023 là 330.776.185 đồng (ba trăm ba mươi triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 181.652.991 đồng; nợ lãi quá hạn 149.123.194 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm V có trách nhiệm phải thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Bị đơn - chị Nguyễn Thị Cẩm V:** đã được Tòa án tổng hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để báo chị V biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP A (A) yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập chị V đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, chị V không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do chị V không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

*** Bà Lưu Ngọc Bích là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) trình bày:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2023 là 338.795.380 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 181.652.977 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 157.142.403 đồng.

Chị V có trách nhiệm phải thanh toán khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử là ngày 31/5/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng A theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, Thông báo, Quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1. Tại phiên tòa lần 2, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (A). Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (A) tổng số tiền là 338.795.380 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 181.652.977 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 157.142.403 đồng.

Bị đơn chị V còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho Ngân hàng đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền:

Xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú của bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V tại địa chỉ số 58 ngõ 183 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V yêu cầu Tòa án tuyên chị V phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là Hợp đồng) đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị Cẩm V là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 58 ngõ 183 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh Công an phường P cung cấp cho Tòa án biết chị Nguyễn Thị Cẩm V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 58 ngõ 183 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội nhưng hiện nay chị V không sinh sống tại địa chỉ trên, đến nay, đi đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp “cố tình giấu địa chỉ” theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với

người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung” và xác định địa chỉ số 2 ngõ P, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của chị V theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án yêu cầu chị V đến Tòa án làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng chị Nguyễn Thị Cẩm V vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30 ngày 09/5/2023 nhưng bị đơn chị V vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo tiếp tục phiên tòa vào hồi 08h30' ngày 30/5/2023. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị V vẫn vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, Tòa án đã áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên tòa, phía nguyên đơn Ngân hàng có Văn bản gửi Tòa án về việc từ chối thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên tòa. Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về thời gian mở phiên tòa, nhưng tại phiên tòa bị đơn chị V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị V là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng:

Ngày 17/03/2020 chị Nguyễn Thị Cẩm V có ký với Ngân hàng TMCP A (A) Hợp đồng cấp thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, Visa platinum số 436599*****8737 với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng thẻ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên ký Hợp đồng tự nguyện, người ký kết là người có thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như cam kết.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 153.770.000 đồng, nhưng từ ngày 19/12/2022 đến ngày 18/5/2023 chị V chỉ thanh toán cho Ngân hàng A được 48 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo khoản 9.4 Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi

sau. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng chị V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 18.7 Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị V từ ngày 20/11/2020 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc theo khoản 10.1 Điều 10 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 153.7770.000 đồng là $3,375\%/tháng \times (150\% \text{ lãi suất trong hạn})$:

- Lãi suất trong hạn $2,25\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 27\%/năm$.

- Lãi suất quá hạn $= 2,25\%/tháng \times 150\% = 3,375\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 40,5\%/năm$.

- Lãi suất quá hạn (150% lãi suất trong hạn) được tính trên số tiền nợ gốc 153.770.000 đồng là 40,5%/năm, cụ thể như sau:

Số tiền nợ lãi quá hạn $= \text{nợ gốc} \times (\text{lãi suất trong hạn} \times 150\%) \times \text{số ngày} / 365 \text{ ngày}$. Số ngày lãi quá hạn: ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/11/2020 đến ngày sao kê là ngày 30/5/2023 = 921 ngày.

Số tiền nợ lãi quá hạn là: $153.769.952 \text{ đồng} \times 40,5\% \times 921 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 157.142.403 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 338.795.380 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2023 chị V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 338.795.380 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 181.652.977 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là 153.769.952 đồng và dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là 27.883.025 đồng); lãi quá hạn 157.142.403 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn như Ngân hàng đã tính (theo bảng tóm tắt sao kê) theo Hợp đồng các bên đã cam kết và buộc chị V phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2023 là 338.795.380 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 181.652.977 đồng (dư nợ gốc tính lãi quá hạn là 153.769.952 đồng và dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là 27.883.025 đồng); lãi quá hạn 157.142.403 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V còn phải tiếp tục trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/5/2023 cho đến khi chị V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP A (A) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; khoản 1 Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 429; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;
- khoản 3 Điều 5; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Điều 2; Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V, về việc “Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2023 là: **338.795.380 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 181.652.977 đồng; lãi quá hạn 157.142.403 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31/5/2023 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi chị V tất toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.940.000 đồng (mười sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP A (A) 6.205.000 đồng (sáu triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP A (A) đã nộp theo

biên lai số 0051986 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A), vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V. Tòa án báo nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa